

Số: 42/2021/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động  
và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân  
sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ  
Về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó  
khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại  
Tờ trình số 2450/TTr-LĐTBXH ngày 22/7/2021; Báo cáo thẩm định số 194/BC-  
STP ngày 12/7/2021 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi:** Tỉnh Quảng Ninh.

**2. Đối tượng, mức hỗ trợ:**

a) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo Quốc gia và chuẩn nghèo của Tỉnh), đảm bảo các điều kiện sau:

Thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả điều tra, rà soát đến cuối năm 2020 và hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm 2021;

Không thuộc diện đang hưởng chế độ trợ cấp người có công, trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp xã hội hằng tháng khác và bảo hiểm xã hội theo các chính sách hiện hành của Trung ương và của Tỉnh.

Mức hỗ trợ: 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/người.

b) Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (trường hợp tạm trú phải có đăng ký tạm trú được cơ quan công an xác nhận) phải nghỉ việc, mất việc làm do phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa hoặc phải dừng, tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021, làm một trong các công việc sau: Thu gom rác, phế liệu; Bốc vác, vận chuyển hàng hoá; Lái xe mô tô 02 bánh hoặc 03 bánh chở khách, xe xích lô chở khách; Bán lẻ xổ số lưu động; Làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn, uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, cắt tóc trên vỉa hè hoặc trong chợ; Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; Làm việc tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; Thợ xây, phụ nề, thợ sơn, thợ các công trình xây dựng.

Mức hỗ trợ: Căn cứ theo thực tế số ngày bị nghỉ việc, mất việc làm do phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa hoặc phải dừng, tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; mức hỗ trợ là 50.000 (năm mươi nghìn) đồng/người/ngày; Số tiền hỗ trợ tối đa không quá 3.700.000 đồng.

### 3. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

b) Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ.

c) Đối tượng hỗ trợ thuộc diện hưởng từ hai chính sách trở lên (cả chính sách Trung ương và địa phương) thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

4. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người dân, người lao động.

**Điều 2.** Hồ sơ đề nghị, trình tự, thủ tục thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

1. Đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

a) Trước ngày 20 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ (theo Mẫu số 01, 02 và 03 ban hành kèm theo Quyết định này), gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

b) Trong 01 ngày làm việc, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ (theo Mẫu số 01, 02 và 03 ban hành kèm theo Quyết định này); đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chi trả cho đối tượng.

d) Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

## 2. Đối với người lao động không có giao kết hợp đồng lao động:

a) Người lao động có nhu cầu hỗ trợ gửi đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định này) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động cư trú hợp pháp trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

b) Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động cư trú hợp pháp tổ chức rà soát, xác định đối tượng người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ để lập danh sách với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư; niêm yết công khai danh sách trong 02 ngày làm việc; tổng hợp danh sách (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định này) người lao động đủ điều kiện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội). Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong 01 ngày làm việc, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định, tổng hợp danh sách (theo Mẫu số 05 và số 06 ban hành kèm theo Quyết định này) người lao động đủ điều kiện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trong 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

đ) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chi trả cho người lao động.

e) Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

### **Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID -19 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 326/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

### **Điều 5.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn triển khai, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này; đảm bảo công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, lợi dụng, trục lợi chính sách.

Định kỳ trước ngày 20 hằng tháng, chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng theo Quyết định này; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm truyền thông tỉnh thực hiện ngay việc thông tin, tuyên truyền sâu, rộng các chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội.


3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân và người lao động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ của Tỉnh.

b) Quyết định, phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, cung cấp mẫu đề nghị hỗ trợ cho các đối tượng, lập danh sách theo biểu mẫu quy định tại Quyết định này; thành lập tổ công tác gồm đại diện Chính quyền, Công an, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để tổ chức triển khai thực hiện, giám sát quá trình thực hiện tại cơ sở.

d) Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng trên địa bàn.

**Điều 6.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động-TB&XH;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- V0,1,2,3; các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, VX2.

05bản-QĐ39

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Hạnh**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số: 42/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Mẫu số 01	Danh sách người thuộc hộ nghèo hưởng chính sách hỗ trợ
Mẫu số 02	Danh sách người thuộc hộ cận nghèo hưởng chính sách hỗ trợ
Mẫu số 03	Bảng tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hưởng chính sách hỗ trợ
Mẫu số 04	Đề nghị hỗ trợ (Dành cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm)
Mẫu số 05	Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm hưởng chính sách hỗ trợ (Dùng cho UBND cấp xã, UBND cấp huyện lập, thẩm định, phê duyệt)
Mẫu số 06	Tổng hợp số lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm hưởng chính sách hỗ trợ và số tiền hỗ trợ (Dùng cho UBND cấp huyện lập, thẩm định, phê duyệt)

Huyện.....

Xã.....

**DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	$3 = 2 \times 1.500.000đ$	4
1	- Chủ hộ: Nguyễn Văn A - Thành viên khác trong hộ: (Xác định rõ họ và tên các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo)			-	
2	....			-	
...	...				
	<b>Tổng cộng</b>				

**Ghi chú:** Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo.

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/HUYỆN...**  
(Ký, đóng dấu)

Huyện.....

Xã.....

**DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

<b>TT</b>	<b>Hộ</b>	<b>Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo</b>	<b>Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo</b>	<b>Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
A	B	1	2	3 = 2 x 1.500.000đ	4
1	- Chủ hộ: Nguyễn Thị C - Thành viên khác trong hộ: (Xác định rõ họ và tên các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo)				
2	....				
...	...				
	<b>Tổng cộng</b>				

**Ghi chú:** Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo.

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/HUYỆN...**  
(Ký, đóng dấu)

Huyện.....

Xã.....

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Đơn vị	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO			Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ	Mức hỗ trợ 1.500.000 đồng/người	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo được hỗ trợ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3 + 6	8	9 = 7 x 8	10
1	Thôn/Xã.....										
2	.....										

*Ghi chú:* Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện.

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày .... tháng .... năm.....  
**UBND XÃ/HUYỆN...**  
(Ký, đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐỀ NGHỊ HỒ TRỢ**

*(Dành cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Họ và tên: .....Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....
2. Dân tộc: ..... Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....
- Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
4. Nơi ở hiện tại: .....
- Nơi thường trú: .....
- Nơi tạm trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM TRƯỚC KHI PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM**

1. Công việc chính<sup>1</sup>:
- Thu gom rác, phế liệu
- Bốc vác, vận chuyển hàng hóa
- Lái xe mô tô 02 bánh hoặc 03 bánh chở khách, xe xích lô chở khách
- Bán lẻ vé xổ số lưu động
- Làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe (xoa bóp y học, châm cứu), cắt tóc trên vỉa hè hoặc trong chợ.
- Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định
- Làm việc tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục
- Thợ xây, phụ nề, thợ sơn, thợ các công trình xây dựng
2. Nơi làm việc trước khi nghỉ việc, mất việc làm<sup>2</sup>: .....
- .....

**III. LÝ DO PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM.**

- Do phải cách ly y tế
- Trong các khu vực bị phong tỏa

Phải dừng, tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19

#### IV. THỜI GIAN PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM

Tổng số ngày .... ngày.

Từ ngày.../.../2021 đến ngày .../.../2021.

#### V. CAM KẾT

1. Ngoài đề nghị được hỗ trợ tại UBND xã/phường/thị trấn.....  
tôi không làm đề nghị hỗ trợ tại địa phương khác.

2. Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Vì vậy, tôi đề nghị UBND xã/phường/thị trấn ..... xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số ... /2021/QĐ-UBND ngày.../8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

Tài khoản (Tên tài khoản:..... Số tài khoản:.....  
Ngân hàng: .....)

Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....ngày.....tháng....năm 2021

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **Ghi chú:**

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động
2. Ghi rõ nơi làm việc tại nhà hay tại cơ sở, hộ kinh doanh; nếu tại các cơ sở, hộ kinh doanh thì ghi rõ địa chỉ cơ sở, hộ kinh doanh nơi làm việc.

Huyện.....  
Xã.....

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**  
(Dùng cho UBND cấp xã, UBND cấp huyện lập, thẩm định, phê duyệt)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Tên công việc chính	Thời gian phải nghỉ việc hoặc mất việc làm			Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Số văn bản/ cơ quan QĐ tạm dừng hoạt động)
						Từ ngày/tháng	Đến ngày/tháng	Tổng số ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9x50.000đ	11
1										
2										
3										
...										
	<b>Tổng cộng</b>			-	-	-	-	-		-

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND ...**  
(Ký, đóng dấu)

UBND H/TX/TP .....

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM, SỐ TIỀN HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Xã/phường/ thị trấn...	Số lao động đề nghị hỗ trợ theo các nhóm công việc									Kinh phí thực hiện (đồng)	Ghi chú
		Tổng số LĐ được hỗ trợ (người)	Thu gom rác, phế liệu	Bóc vác, vận chuyên hàng hóa	Lái xe mô tô 02 bánh, 03 bánh chở khách, xe xích lô chở khách	Bán lẻ vé xỏ số lưu động	Làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn, uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, cắt tóc	Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định	Làm việc tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực	Thợ xây, phụ nề, thợ son, thợ các công trình xây dựng		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
1												
2												
...												
	<b>Tổng cộng</b>											

**NGƯỜI LẬP**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND HUYỆN/TX/TP...**  
(Ký, đóng dấu)